

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2019/DS-ST
Ngày 19-6-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Uyên;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Văn Tạo.

Bà Võ Ngọc Các.

- Thư ký phiên Tòa: Ông Nguyễn Minh Thuận là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên Tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyền – Kiểm Sát viên.

Trong ngày 19 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2019/TLST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2019, về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2019/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Quách C, địa chỉ: đường T, khóm A, phường M, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Quách C là ông Trần Văn N, đường H, khóm D, phường Z, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Dương Cẩm B, địa chỉ: H, khóm D, phường Z, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Dương Thị Cẩm T; địa chỉ: H, khóm D, phường Z, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

- Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị Mộng K; sinh năm: 1981; địa chỉ: đường B, khóm A, phường M, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/3/2019 của nguyên đơn ông Quách C cũng như trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Văn N trình bày:

Vào ngày 26/8/2018 (âm lịch) nhằm ngày 05/10/2018 dương lịch, ông Quách C có đến nhà của bà Dương Thị Cẩm T (là chị em kết nghĩa với ông C) tại địa chỉ: đường H, khóm D, phường Z, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng để dự đám tang thì gặp ông Dương Cẩm B (là em ruột của bà T) và ông B có hỏi mượn tiền của ông C để làm vốn mua bán, làm ăn. Do là chỗ thân thiết và tin tưởng bà T nên ông C có cho ông B vay tiền 03 đợt, tổng cộng là 500.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Đợt 1 vào ngày 10/11/2018 (âm lịch), ông C giao cho ông B số tiền 200.000.000 đồng, chia làm 03 lần:

- Lần 1: 50.000.000 đồng.
- Lần 2: 60.000.000 đồng.
- Lần 3: 90.000.000 đồng.

Đợt 2 vào ngày 11/11/2018 (âm lịch), ông C giao cho ông B số tiền 190.000.000 đồng, chia làm 02 lần:

- Lần 1: 90.000.000 đồng.
- Lần 2: 100.000.000 đồng.

Đợt 3 vào ngày 14/11/2018 (âm lịch), ông C giao cho ông B số tiền 110.000.000 đồng, chia làm 02 lần:

- Lần 1: 50.000.000 đồng.
- Lần 2: 60.000.000 đồng.

Tất cả các lần giao tiền, ông C đều giao tại nhà của ông B tại khóm D, phường Z, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, ông C giao trực tiếp cho ông B nhận, khi giao tiền có sự chứng kiến của bà Dương Thị Cẩm T và bà Nguyễn Thị Mộng K (là người làm của ông C), việc ông B mượn tiền ông C cũng như việc ông C giao tiền cho ông B không có làm biên nhận.

Đến ngày 28/11/2018, ông B có điện thoại hỏi vay của ông C số tiền 15.000.000 đồng để sửa nhà ăn tết và hẹn 02 ngày sẽ trả tiền lại cho ông C nhưng đến nay ông B vẫn chưa trả. Ông C giao tiền cho ông B tại nhà của ông C, việc giao tiền có mặt của ông B và bà Nguyễn Thị Mộng K, việc vay tiền và giao tiền không có làm biên nhận.

Đối với số tiền vay 500.000.000 đồng, khi vay ông B hứa mỗi ngày sẽ trả cho ông C số tiền 15.000.000 đồng, nhưng đến nay ông B mới trả cho ông C được số tiền 52.800.000 đồng, việc trả tiền không có làm biên nhận.

Tính đến nay, ông B còn nợ ông C tổng cộng số tiền 462.200.000 đồng.

Nay ông Quách C yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Dương Cẩm B phải có trách nhiệm trả cho ông C số tiền 462.200.000 đồng, ông C không yêu cầu trả lãi.

Bị đơn ông Dương Cẩm B trình bày:

Ông B là em ruột và ở cùng địa chỉ với bà Dương Thị Cẩm T. Ông B quen biết ông C là do ông C thường xuyên tới nhà bà T chơi.

Ông B thừa nhận, vào ngày 28/11/2018 (âm lịch), ông B có hỏi vay của ông C số tiền 15.000.000 đồng để sửa nhà, hai bên thỏa thuận không tính lãi. Ông C giao tiền cho ông B tại nhà của ông C, việc giao tiền có mặt của ông B và bà Nguyễn Thị Mộng K. Sau khi vay, ông B góp cho ông C mỗi ngày 100.000 đồng, góp được 18 ngày thành số tiền 1.800.000 đồng, còn nợ lại số tiền 13.200.000 đồng. Việc vay tiền cũng như việc góp tiền không có làm biên nhận. Theo ông B thì ông không có mượn của ông Quách C số tiền 500.000.000 đồng như ông C trình bày.

Trong thời gian từ ngày 27/6/2018 âm lịch đến ngày 27/11/2018 âm lịch, ông B có vay tiền của bà Dương Thị Cẩm T (là chị ruột của ông B) nhiều lần, ít nhất là 5.000.000 đồng, nhiều nhất là 50.000.000 đồng, tổng cộng ông B vay của bà T số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất 20%/tháng, tuy nhiên mỗi lần đưa tiền bà T trừ trước một tháng tiền lãi, ông B không nhớ bà T đã trừ của ông số tiền cụ thể bao nhiêu. Việc mượn tiền không có làm biên nhận cũng không có ai biết hoặc chứng kiến. Mục đích vay tiền là để mua bán gà. Sau khi vay, do mua bán bị thua lỗ nên ông B mới góp cho bà T được tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 52.800.000 đồng (góp từ ngày 27/6/2018 đến ngày 27/11/2018 âm lịch), việc góp tiền không có làm biên nhận nên ông B không nhớ cụ thể thời gian mỗi lần góp. Ông B cho rằng hiện ông còn nợ lại bà T số tiền vốn là 462.200.000 đồng và đồng ý trả cho bà T số tiền này. Tuy nhiên, hiện nay ông B đang gặp khó khăn nên yêu cầu đến tháng 7 năm 2019 ông B sẽ bắt đầu trả tiền vốn vay cho bà T mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Theo ông B, khi cho ông vay tiền, bà T có nói là nguồn tiền để bà T cho ông B vay là do chồng của bà T tên Huỳnh Văn Miễn (đã ly hôn với bà T) đưa cho bà T.

Nay ông B cho rằng ông không có mượn của ông C số tiền 500.000.000 đồng nên ông B không đồng ý trả cho ông C số tiền vốn vay còn lại 462.200.000 đồng theo yêu cầu của ông C.

Đối với số tiền vay 15.000.000 đồng, ông B đã trả cho ông C được số tiền 1.800.000 đồng nên còn nợ lại 13.200.000 đồng, số tiền này ông B hẹn đến ngày 25/7/2019, ông B sẽ trả đủ cho ông C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị Cẩm T trình bày:

Bà T là chị ruột của ông Dương Cẩm B, còn bà với ông Quách C là chỗ bạn bè. Từ trước đến nay, bà T không có cho ông Dương Cẩm B vay khoản tiền nào hết. Việc ông B trình bày như trên là không đúng sự thật.

Theo bà T thì bà và chồng là ông Huỳnh Văn M đã ly hôn vào năm 1996. Hiện ông M đã có gia đình khác. Từ sau khi ly hôn cho đến nay, ông M hoàn toàn không có đưa cho bà T khoản tiền nào và bà T cũng không có nói với ông B là “nguồn tiền để bà T cho ông B vay là do ông M chồng của bà T cố đất sau đó cho đưa tiền cho bà T” như ông B trình bày.

Vào ngày 26/8/2018 (âm lịch), con bà T bị bệnh chết nên ông Quách C có tới dự đám tang và thường xuyên lui tới chia buồn cùng gia đình. Khi đó, ông B có hỏi mượn tiền của ông C nhiều lần để cho vay lại. Khi nào có người đến hỏi ông B vay tiền thì ông B mới hỏi ông C lấy thêm tiền. Ông B mượn của ông C tổng cộng là 500.000.000 đồng. Bà T chỉ nhớ, ông C giao tiền cho ông B trong 03 ngày, mỗi ngày giao từ 02 đến 03 lần (vào khoảng tháng 10 hay tháng 11 năm 2018 âm lịch, bà T không nhớ cụ thể). Với tổng số tiền là 500.000.000 đồng. Ông C mang tiền đến nhà của bà T và giao tiền cho ông B nhận trước sự chứng kiến của bà T và bà Nguyễn Thị Mộng K. Việc mượn tiền không có làm biên nhận. Mỗi lần ông C giao tiền, bà K là người trực tiếp lấy tiền đưa cho bà T đếm dùm, sau khi đếm đủ tiền thì bà T giao lại cho ông B trước mặt của ông C và bà K.

Theo bà T, sau khi vay tiền của ông C, ông B trả cho ông C được số tiền 52.800.000 đồng. Việc ông B trả tiền cho ông C số tiền 52.800.000 đồng tại nhà của bà T trước sự chứng kiến của bà T và bà K.

Đối với số tiền 15.000.000 đồng, ông C cho ông B mượn để sửa nhà thì bà T không biết.

Theo bà T, bà không có cho ông B vay tiền nên số tiền ông B trình bày còn nợ lại bà T là 462.200.000 đồng là tiền ông B vay của ông Quách C nên ông B phải có trách nhiệm trả cho ông C số tiền trên.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Quách C, buộc ông Dương Cẩm B có trách nhiệm thanh toán cho ông C số tiền vốn vay còn lại là 462.200.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện

Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn ông Quách C yêu cầu ông Dương Cẩm B trả số tiền vay là 462.200.000 đồng. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự, quan hệ pháp luật để giải quyết vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay người làm chứng là bà Nguyễn Thị Mộng K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và trước đó đã có lời khai trực tiếp với Tòa án nên căn cứ vào Khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Tại hồ sơ và tại Tòa ông Dương Cẩm B cho rằng từ ngày 27/6/2018 đến ngày 27/11/2018 âm lịch, ông B có vay tiền của bà Dương Thị Cẩm T (là chị ruột của ông B) nhiều lần tổng cộng số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất 20%/tháng, việc vay tiền không có làm biên nhận. Tuy nhiên, theo bà Dương Thị Cẩm T thì số tiền trên là do ông Quách C cho ông B mượn chứ không phải tiền của bà T, xét thấy lời trình bày của bà T phù hợp với lời trình bày của ông C và lời trình bày người làm chứng là bà Nguyễn Thị Mộng K, ngoài ra ông B cũng không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh số tiền trên ông B vay của bà T nên việc ông B cho rằng số tiền 500.000.000 đồng nói trên ông B vay của bà T là không có căn cứ. Xác định số tiền 500.000.000 đồng nói trên ông B vay của ông C. Ngoài ra ông B thừa nhận vào ngày 28/11/2018 (âm lịch), ông B có vay của ông C số tiền 15.000.000 đồng.

Như vậy, có căn cứ xác định trên thực tế giữa ông Quách C với ông Dương Cẩm B có giao kết hợp đồng vay tài sản. Các bên tiến hành giao kết hợp đồng trên nguyên tắc tự nguyện, theo hợp đồng thì ông C cho ông B vay tổng cộng số tiền là 515.000.000 đồng, việc vay tiền không có thỏa thuận lãi suất và không có làm biên nhận. Các bên tiến hành giao kết hợp đồng vay tài sản trên nguyên tắc tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, do đó hợp đồng trên được pháp luật bảo vệ và buộc các bên phải thực hiện theo đúng hợp đồng. Xét thấy, ông B đã nhận của ông C số tiền vay tổng cộng là 515.000.000 đồng, theo ông B sau khi vay đến nay ông đã trả cho bà Dương Thị Cẩm T số tiền 52.800.000 đồng và trả cho ông C số tiền 1.800.000 đồng, việc trả tiền không có làm biên nhận, tuy nhiên bà T không thừa nhận có nhận của ông B số tiền 52.800.000 đồng, còn ông C cho rằng ông B mới trả cho ông C tổng cộng số tiền 52.800.000 đồng, ngoài ra ông B không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh là đã trả cho bà Dương Thị Cẩm T số tiền 52.800.000 đồng và trả cho ông C số tiền 1.800.000 đồng, do đó xác định sau khi vay ông B mới trả cho ông C được số tiền 52.800.000 đồng. Theo thỏa thuận thì sau khi vay mỗi ngày ông B sẽ trả cho ông C số tiền 15.000.000 đồng nhưng đến nay ông B mới trả cho ông C được số tiền 52.800.000 đồng. Do ông B không thực

hiện việc trả nợ theo đúng cam kết nên đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ Luật Dân sự. Vì vậy, ông C yêu cầu ông B trả cho ông C số tiền vốn vay còn lại 462.200.000 đồng là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về lãi suất: Do ông C không yêu cầu ông B trả lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với lời trình bày của ông B cho rằng mỗi lần ông B nhận tiền vay của bà T thì bà T trừ trước một tháng tiền lãi nhưng bà T không thừa nhận và ông B cũng không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh, do đó lời trình bày của ông B là không có cơ sở chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của ông Quách C được chấp nhận nên ông C không phải chịu án phí. Ông Dương Cẩm B phải chịu số tiền 22.488.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Khoản 2 Điều 229, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1]. Buộc ông Dương Cẩm B có nghĩa vụ thanh toán cho ông Quách C số tiền vốn vay là 462.200.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Quách C có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Dương Cẩm B còn phải trả lãi cho ông C theo mức lãi suất 10%/năm, đối với số tiền vốn vay chậm thi hành án.

[2]. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Dương Cẩm B phải chịu số tiền 22.488.000 đồng.

[3]. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND - TPST;
- Thi hành án DS - TPST;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Uyên